TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 15/2020/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Tô Ngọc

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019.

Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã căn cứ vào điểm a và điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và tài sản chung khi ly hôn", giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Phượng L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: số 154 đường L1, khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Ma H (Mã H1), sinh năm 1953 (chết 2019).

Địa chỉ: 1222 W, C, IL 60640, Hoa Kỳ.

Địa chỉ tạm trú: số 154 đường L1, khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền về giải quyết phần yêu cầu chia tài sản chung của ông Ma H (Mã H1): Bà Huỳnh Ánh T.

Địa chỉ: số 72 đường T1, khóm 1, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Tại đơn kháng cáo ngày 14 tháng 10 năm 2019, bà Huỳnh Phượng L cho rằng Quyết định đình chỉ giải quyết nêu trên, sung quỹ nhà nước tiền tạm ứng án phí 28.500.000 đồng mà bị đơn ông Mã H1 đã nộp, là không đúng vì khi ông

Mã H1 chết, bà L và trẻ Mã Huỳnh Thiên N (do bà L đại diện theo pháp luật) là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Mã H1 được hưởng di sản do ông H1 chết để lại. Do đó, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Quyết định đình chỉ giải quyết vụ nêu trên về phần án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số 28.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí của bị đơn ông Mã H1 đã nộp, cho bà L và trẻ Mã Huỳnh Thiên N (do bà L đại diện theo pháp luật).

XÉT THẤY:

[1] Ngày 30/10/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án dân sự số 37/2017/TLST-HNGĐ giữa nguyên đơn bà Huỳnh Phượng L và bị đơn ông Ma H (Mã H1) về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và tài sản chung khi ly hôn". Trong vụ án, bị đơn ông Ma H (Mã H1) có yêu cầu phản tố về việc xác định tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mã H1, chết vào ngày 09-02-2019.

[3] Ngày 04-9-2019 nguyên đơn bà Huỳnh Phượng L cung cấp Tờ khai quan hệ thừa kế theo pháp luật của ông Mã H1 đề ngày 05-8-2019, được chứng thực hợp pháp tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo đó, ông Mã H1 có vợ là bà Huỳnh Phượng L và 01 người con chung tên Mã Huỳnh Thiên N, sinh năm 2008 hiện đang sống chung với bà L; cha mẹ ruột của ông H1 đều đã chết, ngoài ra, ông H1 không có con riêng, con nuôi hay cha mẹ nuôi khác. Cùng ngày, nguyên đơn bà Huỳnh Phượng L có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

[4] Hồ sơ vụ án thể hiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã có thông báo cho người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (về giải quyết vấn đề tài sản trong vụ án) là bà Huỳnh Ánh T cung cấp thông tin về người thân và người thừa kế của ông Mã H1 để phục vụ cho việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, vào các ngày 06-3-2019 và ngày 21-8-2019, bà Huỳnh Ánh T có các văn bản tường trình về việc không cung cấp được thông tin theo yêu cầu của Tòa án. Ngoài ra, không còn ai biết hoặc cung cấp được thông tin về người thân và những người thừa kế của ông Mã H1.

[5] Ngày 05-9-2019, bà Huỳnh Phượng L với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người đại diện theo pháp luật của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là trẻ Mã Huỳnh Thiên N, có đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Mã H1.

[6] Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: "Bà Huỳnh Phượng L với tư cách là nguyên đơn trong vụ án có quyền và lợi ích hợp pháp đối lập với ông Mã H1 là bị đơn trong vụ án nên bà L không được xác định là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người giám hộ của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là trẻ Mã Huỳnh Thiên N. Vì vậy, bà L không có quyền rút yêu cầu phản tố của bị đơn ông Mã H1. Trường hợp này được xem như bị đơn là cá nhân đã chết mà không có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng".

[7] Tại khoản 2 Điều 655 Bộ luật Dân sự năm 2015 qui định: "Trường hợp vợ, chồng xin ly hôn mà chưa được hoặc đã được Tòa án cho ly hôn bằng bản án hoặc quyết định chưa có hiệu lực pháp luật, nếu một người chết thì người còn sống vẫn được thừa kế di sản".

Như vậy, bà Huỳnh Phượng L và trẻ Mã Huỳnh Thiên N là người thừa kế theo pháp luật của ông Mã H1.

[8] Tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 qui định: "Trường hợp đương sự là cá nhân đang tham gia tố tụng chết mà quyền, nghĩa vụ về tài sản của họ được thừa kế thì người thừa kế tham gia tố tụng".

[9] Đối chiếu với qui định pháp luật, bà Huỳnh Phượng L và trẻ Mã Huỳnh Thiên N là người thừa kế di sản và cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Mã H1.

[10] Hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn bà Huỳnh Phượng L khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung tự thỏa thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn ông Mã H1 phản tố yêu cầu xác định tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và tài sản chung khi ly hôn". Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bị đơn chết, nguyên đơn rút đơn khởi kiện, bà L và trẻ Thiên N (do bà L đại diện theo pháp luật) cũng có đơn rút yêu cầu phản tố nêu tại mục [5]. Lúc này, quan hệ tranh chấp vụ án không còn tồn tại, vụ án chỉ còn 01 bên đương sự, quyền và lợi ích hợp pháp của bà L và trẻ Thiên N là không đối lập. Do đó, việc bà L và trẻ N (có bà L là người đại diện hợp pháp) rút toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

[11] Do đó, vụ án thuộc trường hợp phải đình chỉ giải quyết là đúng. Tuy nhiên, lý do đình chỉ giải quyết vụ án nêu tại mục [6], áp dụng điều luật chưa

chính xác, dẫn đến việc giải quyết án phí chưa thỏa đáng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L và trẻ N.

[12] Tại khoản 3 Điều 18 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án qui định: "Trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu trong vụ án dân sự vì lý do bị đơn có yêu cầu phản tố rút yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập rút yêu cầu thì tiền tạm ứng án phí được trả lại cho người đã nộp".

[13] Từ những phân tích trên, Hội đồng phúc thẩm, xét thấy, kháng cáo của bà L là có cơ sở chấp nhận nên sửa Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm về án phí sơ thẩm có giá ngạch.

[14] Án phí dân sự phúc thẩm: bà Huỳnh Phượng L không phải chịu theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào điểm b khoản 5 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Huỳnh Phượng L.

Sửa Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Phượng L được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0009796 ngày 27-10-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

- Người thừa kế của bị đơn ông Mã H1 là bà Huỳnh Phượng L và trẻ Mã Huỳnh Thiên N (có bà L đại diện hợp pháp) được nhận lại 28.500.000 (hai mươi tám triệu, năm trăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí mà bị đơn ông Mã H1 đã nộp theo biên lai thu số 0000493 ngày 16-01-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh Phượng L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà L 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm nộp án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002266 ngày 13/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

3. Các quyết định khác của quyết định sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (1);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (1);
- NĐ (1)
- BĐ (1)
- Lưu (3) 14b (QĐ-PPC);

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Nhựt Bình